

Số: 03 /TB-TTPVHCC

Bình Giang, ngày 04 tháng 10 năm 2025

### THÔNG BÁO

**Tình hình, kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về công tác cải cách,  
kiểm soát thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính**  
(từ ngày 01/9/2025 đến ngày 30/9/2025)

Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã giao tại về việc đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu được giao về công tác cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính. Trên cơ sở báo cáo của Văn phòng HĐND-UBND xã, Phòng kinh tế xã, Phòng Văn hóa - xã hội xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, như sau:

#### **1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về công tác cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính**

##### *1.1. Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến (chỉ tiêu giao $\geq 60\%$ )*

Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến của toàn xã đạt **93,3%** (số hồ sơ nộp trực tuyến/tổng số hồ sơ tiếp nhận là **1.982/2.125** hồ sơ, hồ sơ nộp trực tiếp 143 hồ sơ), trong đó:

- Văn phòng HĐND-UBND xã: Đạt **92,92%** (1.865/2.007 hồ sơ); hồ sơ trực tuyến 1.865 hồ sơ, hồ sơ trực tiếp 142 hồ sơ. Đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Kinh tế xã: Đạt **100%** (45/45 hồ sơ); hồ sơ trực tuyến 45 hồ sơ, hồ sơ trực tiếp 00 hồ sơ. Đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Văn hóa - Xã hội xã: Đạt **98,63%** (72/73 hồ sơ); hồ sơ trực tuyến 72 hồ sơ, hồ sơ trực tiếp 01 hồ sơ. Đạt chỉ tiêu giao.

##### *1.2. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (chỉ tiêu giao $\geq 60\%$ ):*

Tỷ lệ thanh toán trực tuyến toàn xã đạt **100%** (số hồ sơ thanh toán trực tuyến/tổng số hồ sơ có phí, lệ phí là 1.497/1.497 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao

##### *1.3. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được cập nhật trên hệ thống (chỉ tiêu giao = 100%):*

Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được cập nhật trên hệ thống của toàn thành phố đạt **100%** (số hồ sơ được cập nhật lên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính/tổng số hồ sơ tiếp nhận là **2.125/2.125** hồ sơ), trong đó:

- Văn phòng HĐND-UBND xã: Đạt **100%** (2.007/2.007 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Kinh tế xã: Đạt **100%** (45/45 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Văn hóa - Xã hội xã: Đạt **100%** (73/73 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao.

*1.4. Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (chỉ tiêu giao = 100%):*

Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của toàn xã trong kỳ **2.125/2.125**, đạt tỷ lệ **100%**, trong đó:

- Văn phòng HĐND-UBND xã: Đạt **100%** (2.007/2.007 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Kinh tế xã: Đạt **100%** (45/45 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao.

- Phòng Văn hóa - Xã hội xã: Đạt **100%** (73/73 hồ sơ). Đạt chỉ tiêu giao.

*1.5. Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin số hóa (chỉ tiêu giao  $\geq 50\%$ ):*

Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin số hóa của toàn xã đạt **99,15%** (2.107/2.125), trong đó:

- Hồ sơ lưu kho để tái sử dụng thông tin: **1.964/2.125** hồ sơ trực tuyến.

- Hồ sơ tái sử dụng lại dữ liệu số hóa: **143/143** hồ sơ trực tiếp.

*1.6. Tỷ lệ phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được xử lý theo quy định (chỉ tiêu giao = 100%):*

Tỷ lệ phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được xử lý theo quy định của toàn xã đạt: **100%**. Đạt chỉ tiêu giao.

## **2. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính của xã**

### *2.1. Tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết trước hạn, đúng hạn*

Tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết trước hạn, đúng hạn đạt: **100%** (số hồ sơ đã giải quyết trước hạn, đúng hạn/tổng số hồ sơ đã giải quyết là **(2.057/2.121)**, tổng hồ sơ tiếp nhận trong kỳ và kỳ trước chuyển qua **2.132** hồ sơ, tiếp nhận trong kỳ **2.125** hồ sơ, kỳ trước chuyển qua **07** hồ sơ, hồ sơ đang giải quyết **11** hồ sơ, hồ sơ rút **39** hồ sơ, từ chối không giải quyết **25** hồ sơ), quá hạn **00** hồ sơ, trong đó:

+ Văn phòng HĐND - UBND xã: Đạt **100%** (2.008/2.008 hồ sơ, 1.948 hồ sơ giải quyết trước hạn, từ chối 23 hồ sơ, cho rút 37 hồ sơ).

+ Phòng Văn hóa - Xã hội: Đạt **100%** (75/75 hồ sơ, 74 hồ sơ giải quyết trước hạn, từ chối 01 hồ sơ).

+ Phòng kinh tế: Đạt **100%** (38/38 hồ sơ, 35 hồ sơ giải quyết trước hạn, 01 hồ sơ từ chối, cho rút 02 hồ sơ).

### *2.2. Tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết quá hạn*

Trong kỳ không có hồ sơ quá hạn.

## **3. Tồn tại, hạn chế**

- Trong quá trình xử lý hồ sơ còn trình trạng gửi nhầm quy trình giữa các chuyên viên.

- Trong thực tế, phần lớn công dân không thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, chủ yếu công chức chuyên môn tiếp nhận hướng dẫn và nộp hồ. Một số ít có thực hiện việc nộp hồ sơ trực tuyến nhưng hồ sơ nộp còn sai sót nhiều. Việc làm quen với chức năng truy xuất, tái sử dụng hồ sơ điện tử còn hạn chế, hầu hết người dân chưa biết cách thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện lưu trữ hồ sơ, kết quả thực hiện thủ tục hành chính; truy xuất giấy tờ từ kho dữ liệu của công dân; kiểm tra danh tính số còn gặp khó khăn do lỗi phần mềm, lỗi hệ thống. Đồng thời Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đôi khi bị lỗi ký số và quá tải trong những giờ cao điểm (từ 7 giờ 45 phút đến 8 giờ 15 phút hàng ngày), làm ảnh hưởng tới quá trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ TTHC.

Trung tâm phục vụ hành chính công xã Bình Giang thông báo để lãnh đạo UBND xã, lãnh đạo các phòng chuyên môn xã biết chỉ đạo, thực hiện và có giải pháp khắc phục nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ, đảm bảo chỉ tiêu được giao./.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo UBND xã (để b/c);
- Các phòng chuyên môn xã;
- Lãnh đạo TTPVHCC xã;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Xuân Thành**



## Phụ lục

### Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về công tác cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính của xã Bình Giang

(Kèm theo Thông báo số 03/TB-VP ngày 01/10/2025 của Trung tâm phục vụ Hành chính công xã Bình Giang)

| STT       | Lĩnh vực giải quyết                 | Số lượng hồ sơ tiếp nhận |          |     |             | Số lượng hồ sơ đã giải quyết |           |          |         |                     |           | Số lượng hồ sơ đang giải quyết |           |         |                 |
|-----------|-------------------------------------|--------------------------|----------|-----|-------------|------------------------------|-----------|----------|---------|---------------------|-----------|--------------------------------|-----------|---------|-----------------|
|           |                                     | Tổng số                  | Trong kỳ |     | Từ kỳ trước | Tổng số                      | Trước hạn | Đúng hạn | Quá hạn | Từ chối, không giải | Hồ sơ rút | Tổng số                        | Trong hạn | Quá hạn | Yêu cầu bổ sung |
|           |                                     |                          |          |     |             |                              |           |          |         |                     |           |                                |           |         |                 |
| (1)       | (2)                                 | (3)=(4)+(5)+(6)          | (4)      | (5) | (6)         | (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)   | (8)       | (9)      | (10)    | (11)                | (12)      | (13)=(14)+(15)+(16)            | (14)      | (15)    | (16)            |
| 1         | Thành lập và hoạt động doanh nghiệp | 29                       | 29       | 0   | 0           | 26                           | 24        | 0        | 0       | 1                   | 1         | 3                              | 3         | 0       | 0               |
| 2         | Bảo trợ xã hội                      | 71                       | 69       | 0   | 2           | 70                           | 70        | 0        | 0       | 0                   | 0         | 1                              | 1         | 0       | 0               |
| 3         | Giáo dục trung học                  | 1                        | 1        | 0   | 0           | 1                            | 1         | 0        | 0       | 0                   | 0         | 0                              | 0         | 0       | 0               |
| 4         | Người có công                       | 6                        | 2        | 1   | 3           | 4                            | 3         | 0        | 0       | 1                   | 0         | 2                              | 2         | 0       | 0               |
| 5         | Kinh doanh khí                      | 1                        | 1        | 0   | 0           | 1                            | 1         | 0        | 0       | 0                   | 0         | 0                              | 0         | 0       | 0               |
| 6         | Chứng thực                          | 1521                     | 1380     | 141 | 0           | 1521                         | 1496      | 0        | 0       | 3                   | 22        | 0                              | 0         | 0       | 0               |
| 7         | Hộ tịch                             | 488                      | 485      | 1   | 2           | 487                          | 452       | 0        | 0       | 20                  | 15        | 1                              | 1         | 0       | 0               |
| 8         | Đất đai                             | 15                       | 15       | 0   | 0           | 11                           | 10        | 0        | 0       | 0                   | 1         | 4                              | 4         | 0       | 0               |
| Tổng cộng |                                     | 2132                     | 1982     | 143 | 7           | 2121                         | 2057      | 0        | 0       | 25                  | 39        | 11                             | 11        | 0       | 0               |